

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2022

V/v: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước H**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Phẩm**
2. Ông **Nguyễn Đình Cường**
- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Kim Liên**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022. Về việc: Tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Đình H**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Số 41, đường 14, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thị Như Th**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: ấp Tân An, xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Đình H trình bày: Vào năm 2005, anh và chị Th kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long ngày 06 tháng 8 năm 2005. Anh H cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến giữa năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên hai người đã sống ly thân từ đó đến nay. Anh H xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Về nuôi con chung anh H xác định anh và chị Th có 02 (hai) người con chung là cháu Trần Đình Đăng Khoa, sinh ngày 29/6/2005 và Trần Đình Hưng, sinh ngày 26/5/2007 hiện đang sống với anh. Khi ly hôn anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi

dưỡng hai cháu Trần Đình Đăng Khoa và Trần Đình Hưng, anh H không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh H đã cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn số: 61, Quyền số 01/05 ngày 06 tháng 8 năm 2005 (bản chính) và 02 (hai) giấy khai sinh mang tên Trần Đình Đăng Khoa và Trần Đình Hưng (bản sao).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn chị Th biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của anh H. Nhưng chị Th không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 13 tháng 5 năm 2022; ngày 28 tháng 6 năm 2022; phiên tòa ngày 25 tháng 7 năm 2022 và phiên tòa ngày hôm nay. Mặc dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ.

Tại biên bản về phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13 tháng 5 năm 2022, cháu Trần Đình Đăng Khoa và Trần Đình Hưng cùng trình bày: Trường hợp cha mẹ cháu phải ly hôn thì hai cháu yêu cầu được sống với cha và không yêu cầu mẹ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp ly hôn, về nuôi con là tranh chấp hôn nhân và gia đình; bị đơn chị Th có nơi cư trú tại xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn chị Th đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Th là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2005, anh H và chị Th kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long ngày 06 tháng 8 năm 2005. Vì vậy hôn nhân của anh H và chị Th là hợp pháp. Xét; việc anh H cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến đầu năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người không đồng quan điểm, thường xuyên gây cãi. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần để cho hai người đoàn tụ chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Hơn nữa, hiện nay anh H xác định anh không còn tình cảm với chị Th và hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không ai

quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc anh H yêu cầu được ly hôn với chị Th là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét; Từ khi anh H và chị Th ly thân đến nay thì hai cháu Trần Đình Đăng Khoa, Trần Đình Hưng do anh H nuôi dưỡng, các cháu vẫn sống, phát triển và trưởng thành bình thường. Đồng thời, hiện nay hai cháu Trần Đình Đăng Khoa, Trần Đình Hưng cũng có nguyện vọng muốn được sống với cha. Vì vậy, xét việc anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Trần Đình Đăng Khoa, Trần Đình Hưng và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 ; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9; 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Đình H và chị Huỳnh Thị Như Th.
2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) cháu Trần Đình Đăng Khoa, sinh ngày 29/6/2005 và Trần Đình Hưng, sinh ngày 26/5/2007 cho anh Trần Đình H tiếp tục nuôi dưỡng, chị Huỳnh Thị Như Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Huỳnh Thị Như Th có quyền tới lui trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trần Đình H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007071 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, như vậy anh Trần Đình H không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã Chánh An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước H

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 10 tháng 8 năm 2022.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Mang Thít

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đình Cường

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022. Về việc: Tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Trần Đình H**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Số 41, đường 14, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Chị **Huỳnh Thị Như Th**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: ấp Tân An, xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

*Ý kiến Th luận của Hội thẩm ông Nguyễn Văn Phẩm:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp ly hôn, về nuôi con là tranh chấp hôn nhân và gia đình; bị đơn chị Th có nơi cư trú tại xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn chị Th đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Th là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2005, anh H và chị Th kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long ngày 06 tháng 8 năm 2005. Vì vậy hôn nhân của anh H và chị Th là hợp pháp.

Xét; việc anh H cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến đầu năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người không đồng quan điểm, thường xuyên gây cãi. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần để cho hai người đoàn tụ chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Hơn nữa, hiện nay anh H xác định anh không còn tình cảm với chị Th và hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc anh H yêu cầu được ly hôn với chị Th là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét; Từ khi anh H và chị Th ly thân đến nay thì hai cháu Trần Đình Đăng Khoa, Trần Đình Hưng do anh H nuôi dưỡng, các cháu vẫn sống, phát triển và trưởng thành bình thường. Đồng thời, hiện nay hai cháu Trần Đình Đăng Khoa, Trần Đình Hưng cũng có nguyện vọng muốn được sống với cha. Vì vậy, xét việc anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Trần Đình Đăng Khoa, Trần Đình Hưng và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Hội thẩm Nguyễn Đình Cường thống nhất với ý kiến Th luận của Hội thẩm Nguyễn Văn Phẩm.

*Ý kiến chủ tọa, thống nhất với ý kiến Th luận của hai vị Hội thẩm, bổ sung quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu theo Luật Thi hành án dân sự, quy định về quyền kháng cáo theo luật định cho các đương sự.

Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất 3/3 (đạt 100%) quyết định các vấn đề cần giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9; 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

Tuyên xử:

4. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Đình H và chị Huỳnh Thị Như Th.

5. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) cháu Trần Đình Đăng Khoa, sinh ngày 29/6/2005 và Trần Đình Hưng, sinh ngày 26/5/2007 cho anh Trần Đình H tiếp tục nuôi dưỡng, chị Huỳnh Thị Như Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Huỳnh Thị Như Th có quyền tới lui trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

6. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

7. Về án phí: Anh Trần Đình H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007071 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, như vậy anh Trần Đình H không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 35 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

